

CHÚA NHẬT 60

CA NHẬP LỄ

Exsúrge, quare obdórmis, Dómine? exsúrge, et ne repéllas in finem: quare fáciem tuam avértis, oblivísceris tribulatiónem nostram? Adhæsit in terra venter noster: exsúrge, Dómine, ádiuva nos, et líbera nos. Deus, áuribus nostris audívimus: patres nostri annuntiavérunt nobis.

Glória Patri ... Exsúrge ...

Lạy Chúa! Hãy trỗi dậy! Sao Chúa ngủ? Hãy trỗi dậy, xin đừng xua đuổi chúng con mãi! Sao Chúa quay mặt đi? Chúa quên nỗi cơ cực chúng con sao? Chúng con đang nằm sóng sượt trên đất. Lạy Chúa, hãy trỗi dậy! Giúp đỡ chúng con, cứu thoát chúng con. Lạy Chúa, chúng con đã hiểu biết Chúa! Cha ông chúng con đã thuật lại cho chúng con.

Sáng danh ... Lạy Chúa ...

KINH TỔNG NGUYỆN

Deus, qui cónspicis, quia ex nulla nostra actióne confídimus: concéde propítius; ut, contra advérsa ómnia, Doctóris géntium protectióne muniámur. Per Dóminum nostrum Iesum Christum, Fílium tuum: qui tecum vivit et regnat in unitáte Spíritus Sancti Deus, per ómnia sæcula sæculórum.

Lạy Chúa, Chúa biết chúng tôi không thể tin tưởng vào một hành động nào của chúng tôi. Xin Chúa nhờ sự phù hộ của thánh Phaolô, giúp chúng tôi đủ sức chống với mọi cơn gian nan khổ khó. Vì Đức Giêsu Kitô, Con Chúa cùng là Chúa chúng tôi, Đấng hằng sống hằng trị, làm một cùng Đức Chúa Thánh Thần đời đời chẳng cùng.

SÁCH THÁNH

2 Côrintô 11, 19–33 & 12, 1–9

Fratres: Libénter suffértis insipiéntes: cum sitis ipsi sapiéntes. Sustinétis enim, si quis vos in servitútem rédigít, si quis dévorat, si quis áccipít, si quis extóllitur, si quis in fáciem vos cædit.

Anh em thân mến, anh em là người khôn, anh em lại vui lòng nhận người dại! Phải, anh em cứ để cho người ta hành hạ anh em, xâu xé, bóc lột anh em, khinh dể anh em, đập vào mặt

Secúndum ignobilitátem dico, quasi nos infirmi fuérimus in hac parte. In quo quis audet, - in insipiéntia dico - áudeo et ego: Hebræi sunt, et ego: Israëlítæ sunt, et ego: Semen Abrahæ sunt, et ego: Ministri Christi sunt, - ut minus sápiens dico - plus ego: in labóribus plúrimis, in carcéribus abundántius, in plagis supra modum, in mórtibus fréquenter. A Iudæis quínquies quadragénas, una minus, accépi. Ter virgis cæsus sum, semel lapidátus sum, ter naufrágium feci, nocte et die in profúndo maris fui: in itinéribus sæpe, pérículis flúminum, pérículis latrónum, pérículis ex génere, pérículis ex géntibus, pérículis in civitáte, pérículis in solitúdine, pérículis in mari, pérículis in falsis frátribus: in labóre et ærúmna, in vigíliis multis, in fame et siti, in ieiúniis multis, in frigóre et nuditáte: præter illa, quæ extrínsecus sunt, instántia mea cotidiána, sollicitúdo ómnium Ecclesiárum. Quis infirmátur, et ego non infirmor? quis scandalizátur, et ego non uror? Si gloriári opórtet: quæ infirmitátis meæ sunt, gloriábor. Deus et Pater Dómini nostri Iesu Christi, qui est benedíctus in sæcula, scit quod non méntior. Damásci præpósitus gentis Arétæ regis, custodiébat civitátem Damascenórum, ut me

anh em. Nói ra thật xấu hổ, vì chúng ta nhu nhược quá. Nhưng nếu điều mà người ta tự phụ, – tôi nói như kẻ đại – tôi cũng tự phụ được. Họ là người Do Thái ư? Tôi cũng thế. Họ là người Israel ư? Tôi cũng thế. Họ là con cháu ông Abraham ư? Tôi cũng thế. Họ là người thừa hành Đấng Kitô ư? (Tôi sắp nói điều đại). Tôi cũng thế, và còn hơn họ nữa. Hơn vì những công lao khổ trí, hơn vì ngục tù, hơn vì tra tấn. Tôi đã chết hụt nhiều lần. Năm lần người Do Thái đánh tôi ba mươi chín roi; ba lần bị đòn, một lần bị ném đá, ba lần bị đắm tàu. Đã có một lần giông giã một đêm một ngày lênh đênh trên biển cả. Các cuộc hành trình thì vô kể: nguy hiểm trên sông, nguy hiểm vì trộm cướp, nguy hiểm vì người đồng bang, nguy hiểm vì lương dân, nguy hiểm trong tỉnh, nguy hiểm trên rừng, nguy ngoài biển, nguy hiểm vì kẻ điêu bạc! Nào là vất vả mệt nhọc, nào là thức khuya dậy sớm, lúc đói lúc khát, khi nhịn ăn nhịn uống, lúc rét mướt, khi trần truồng. Và không kể tới cơn u uất hằng ngày, nỗi băn khoăn lo cho các giáo đoàn. Có ai yếu đuối mà tôi không cảm thấy yếu đuối. Có ai sa ngã mà tôi không thấy như thiêu như đốt. Nếu cần phải khoe, tôi chỉ khoe sự yếu hèn của tôi. Thiên Chúa là Cha Đức Chúa Giêsu – muôn đời ca

comprehénderet: et per fenéstram in sporta dimíssus sum per murum, et sic effúgi manus eius. Si gloriári opórtet - non éxpedit quidem, - véniam autem ad visiónes et revelatiónes Dómini. Scio hóminem in Christo ante annos quatuórdecim, - sive in córpore néscio, sive extra corpus néscio, Deus scit - raptum huiúsmodi usque ad tértium cælum. Et scio huiúsmodi hóminem, - sive in córpore, sive extra corpus néscio, Deus scit:- quóniam raptus est in paradisum: et audivit arcána verba, quæ non licet homini loqui. Pro huiúsmodi gloriábor: pro me autem nihil gloriábor nisi in infirmitátibus meis. Nam, et si volúero gloriári, non ero insípiens: veritátem enim dicam: parco autem, ne quis me exístimet supra id, quod videt in me, aut áliquid audit ex me. Et ne magnitúdo revelatiónem extóllat me, datus est mihi stímulus carnis meæ ángelus sátanæ, qui me colaphízet. Propter quod ter Dóminum rogávi, ut discéderet a me: et dixit mihi: Súfficit tibi grátia mea: nam virtus in infirmitáte perfícitur. Libénter ígitur gloriábor in infirmitátibus meis, ut inhábitet in me virtus Christi.

tụng Người – biết rằng tôi không nói dối. Ở thành Đamas, vị tổng trấn cùng vua Arêtas đã cho canh gác thành, để bắt tôi, nhưng người đã cho tôi ngồi vào chiếc thúng và giòng dây cho tôi vượt qua tường; nhờ đó tôi thoát nạn. Phải khoe ư? Thật ra không nên khoe; mặc dầu, tôi xin kể những điều tôi đã thấy và những điều Chúa đã tỏ cho tôi. Tôi biết một người có lòng mến Chúa Kitô, trước đây mười bốn năm—có cả xác hay không, tôi không biết—chỉ có Chúa biết... người ấy đã được đưa lên tầng trời thứ ba. Và người ấy—có cả xác hay không, tôi không cần biết—chỉ có Chúa biết...tôi biết rằng người ấy đã được đưa lên Thiên đàng và được nghe những lời mà loài người không được phép kể lại. Tôi có khoe là chỉ khoe con người ấy: còn tôi, tôi chỉ khoe những yếu hèn của tôi. Nếu tôi khoe, tôi không phải kể điên dại, tôi chỉ nói sự thật, nhưng tôi phải dè dặt vì sợ người ta sẽ nghĩ quá hay cho tôi về những điều họ thấy nơi tôi hoặc nghe nói về tôi. Hơn nữa, để khỏi kiêu vì những sự lạ ấy, Chúa đã đặt một cái dằm trong thịt tôi, một sứ giả của Satan để hành hình tôi... để tôi không lên mặt kiêu căng. Về việc này, ba lần tôi đã xin Chúa rút nó đi. Nhưng Người bảo tôi rằng: “Có ơn Ta là đủ, vì thế lực của Ta đặc thắng

trong sự yếu hèn”. Vì thế tôi vui lòng khoe các sự yếu hèn của tôi để dựa vào thể lực của Chúa Kitô.

CA TÂM NIỆM – CA LIÊN XƯỚNG

Sciant gentes, quóniam nomen tibi Deus: tu solus Altíssimus super omnem terram. Deus meus, pone illos ut rotam, et sicut stípulam ante fáciem venti.

Commovísti, Dómine, terram, et conturbásti eam. Sana contritiónes eius, quia mota est. Ut fúgiant a fácie arcus: ut liberéntur elécti tui.

Mong sao cả hoàn cầu nhận biết Chúa là Thiên Chúa, Đấng Tối Cao. Xin Chúa xô đẩy họ như chiếc lá, ngọn rơm quay cuồng trong gió lốc.

Lạy Chúa, Chúa đã làm rung chuyển, làm đảo lộn cả Trái Đất. Xin Chúa sửa lại những nơi đổ vỡ tan hoang. Xin đánh lui thù địch và bảo toàn con cái Chúa.

PHÚC ÂM

Luca 8, 4–15

In illo témpore: Cum turba plúrima convenírent, et de civitátibus properárent ad Iesum, dixit per similitúdinem: Exiit, qui séminat, semináre semen suum: et dum séminat, áliud cécidit secus viam, et conculcátum est, et vólucres cæli comedérunt illud. Et áliud cécidit supra petram: et natum áruit, quia non habébat humórem. Et áliud cécidit inter spinas, et simul exórtæ spinæ suffocavérunt illud. Et áliud cécidit in terram bonam: et ortum fecit fructum céntuplum. Hæc dicens, clamábat: Qui habet aures

Khi ấy, dân chúng họp nhau rất đông và từ các thành thị tuôn đến với Chúa Giê-su. Người liền giảng dụ ngôn này: “Có một người đi gieo mạ. Khi gieo, có một hạt văng ra bên đường, khách qua lại giẫm lên và chim trên trời nhặt mất. Có hạt rơi trên đá sỏi, tuy có mọc nhưng liền héo đi vì thiếu nước. Có hạt tung vào giữa bụi gai, gai cùng mọc và làm cho lúa chết ngạt trong bụi. Có hạt rơi vào đất tốt, mọc lên và sinh hoa kết quả gấp trăm. Rồi Người lên tiếng rằng: Ai có tai thì nghe!”. Các môn đệ Người đến xin Người giải thích dụ ngôn ấy. Người liền bảo:

audiendi, áudiat. Interrogábant autem eum discipuli eius, quæ esset hæc parábola. Quibus ipse dixit: Vobis datum est nosse mystérium regni Dei, céteris autem in parábolis: ut vidéntes non vídeant, et audiéntes non intélegant. Est autem hæc parábola: Semen est verbum Dei. Qui autem secus viam, hi sunt qui áudiunt: déinde venit diábolus, et tollit verbum de corde eórum, ne credéntes salvi fiant. Nam qui supra petram: qui cum audierint, cum gáudio suscípiunt verbum: et hi radíces non habent: qui ad tempus credunt, et in témpore tentatiónis recédunt. Quod autem in spinas cécidit: hi sunt, qui audierunt, et a sollicitudínibus et divítiis et voluptátibus vitæ eúntes, suffocántur, et non réferunt fructum. Quod autem in bonam terram: hi sunt, qui in corde bono et óptimo audiéntes verbum rétinent, et fructum áfferunt in patiéntia.

“Chúng con được phúc hiểu biết những điều bí nhiệm của nước Thiên Chúa; còn những người khác chỉ biết có dụ ngôn, để cho họ xem mà không thấy, nghe mà không hiểu”. Đây là ý nghĩa của dụ ngôn: Hạt giống là Lời Chúa. Hạt vãi ra bên đường là những người nghe, nhưng rồi ma quỷ đến cất đi khỏi lòng, vì sợ họ tin và được cứu thoát. Hạt rơi trên đá sỏi là những kẻ vui mừng đón nhận Chúa, nhưng không đâm rễ sâu và chỉ tin trong một thời gian, đến thời nguy khó liền bỏ. Hạt tung vào bụi gai là những kẻ nghe, nhưng dọc đường có những nỗi lo lắng tiền của và vui chơi làm cho ngạt thở và không sinh hoa kết quả. Còn hạt rơi vào đất tốt là những kẻ có lòng quảng đại và chính trực, nghe và giữ lời Chúa: họ có chí kiên nhẫn và sinh nhiều hoa quả.

CA DÂNG LỄ

Pérfice gressus meos in sémitis tuis, ut non moveántur vestígia mea: inclína aurem tuam, et exáudi verba mea: mirífica misericórdias tuas, qui salvos facis sperántes in te, Dómine.

Lạy Chúa, xin cho con vững bước trong đường lối Chúa, để chân con khỏi chập choạng. Xin lắng tai nghe lời con cầu xin. Xin Chúa mở lượng khoan hồng, Chúa là Đấng cứu những ai trông cậy Chúa.

KINH DÂNG LỄ

Oblátum tibi, Dómine, sacrificium, vivíficet nos semper et múniat. Per Dóminum nostrum Iesum Christum, Fílium tuum: qui tecum vivit et regnat in unitáte Spíritus Sancti Deus, per ómnia sácula sæculórum.

Lạy Chúa, xin cho của lễ chúng tôi dâng hiến Chúa, ban cho chúng tôi sự sống và sức mạnh phù hộ chúng tôi. Vì Đức Giêsu Kitô, Con Chúa cùng là Chúa chúng tôi, Đấng hằng sống hằng trị, làm một cùng Đức Chúa Thánh Thần đời đời chẳng cùng.

KINH TIỀN TỤNG

KINH TIỀN TỤNG LỄ BA NGÔI trang 74

CA CHỊU LỄ

Introibo ad altáre Dei, ad Deum, qui lætíficat iuventútem meam.

Con bước lên bàn thờ Chúa, Chúa là nguồn vui tuổi niên thiếu con.

KINH TẠ LỄ

Súpplíces te rogámus, omnípotens Deus: ut, quos tuis réficis sacraméntis, tibi étiam plácitis móribus dignánte deservíre concédas. Per Dóminum nostrum Iesum Christum, Fílium tuum: qui tecum vivit et regnat in unitáte Spíritus Sancti Deus, per ómnia sácula sæculórum.

Lạy Chúa toàn năng, chúng tôi hằng được chịu Mình Máu Thánh Chúa, xin cho chúng tôi biết sống đẹp lòng Chúa và phụng sự Chúa cho chính đáng. Vì Đức Giêsu Kitô, Con Chúa cùng là Chúa chúng tôi, Đấng hằng sống hằng trị, làm một cùng Đức Chúa Thánh Thần đời đời chẳng cùng.